

NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ XÃ HỘI NẢY SINH MANG TÍNH ĐẶC THÙ TRONG FDI Ở MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á

1. Một số vấn đề tác động đặc thù trong FDI

1.1. Phát sinh tranh chấp, xung đột giữa chủ sử dụng lao động và người lao động

Tình trạng tranh chấp lao động trong các doanh nghiệp FDI ở Trung Quốc xảy ra khá nghiêm trọng, đặc biệt là trong giai đoạn đầu thu hút FDI. Nguyên nhân phát sinh các xung đột và tranh chấp lao động có từ hai phía và xoay quanh việc trả lương, bảo hiểm lao động, đảm bảo việc làm, quan hệ ứng xử chủ - thợ... Một mặt, do người lao động chưa quen với tác phong làm việc (tác phong công nghiệp) trong các doanh nghiệp có tư bản nước ngoài, sự khác biệt về tập quán, lối sống nên trong quan hệ ứng xử nhiều khi chưa phù hợp. Mặt khác, nhiều doanh nghiệp FDI trả lương cho người lao động không thỏa đáng, chưa đảm bảo việc làm và điều kiện an toàn trong lao động. Trong khi đó, cường độ lao động lại rất cao và sức ép lớn. Ở một số doanh nghiệp FDI còn xuất hiện tình trạng xâm phạm quyền lợi hợp pháp và quyền lợi dân chủ của người lao động như ngược đãi công nhân, lục soát công nhân bất hợp pháp, thời gian làm việc của công nhân quá dài và nhiều doanh nghiệp không đảm bảo vệ sinh môi trường.

Ví dụ, theo phòng An ninh Xã hội và lao động thành phố Thượng Hải, 10 tháng đầu năm 2001, thành phố này đã có 10.000 vụ tranh chấp lao động giữa chủ và thợ, tăng 38% so với cùng kỳ năm 2000. Trong số đó, các vụ tranh chấp trong các liên doanh và doanh nghiệp tư nhân vượt quá số vụ tranh chấp trong các doanh nghiệp nhà nước. Ngày càng nhiều doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp liên doanh mang nhiều vụ tranh chấp đến với Phòng. Trong các vụ kiện này, 70% gây thiệt hại cho các ông chủ.

Tuy vậy, gần đây các phát sinh xung đột và tranh chấp giữa giới chủ và thợ trong các doanh nghiệp FDI có phần thuyên giảm do Trung Quốc tăng cường điều chỉnh các chính sách về quản lý hoạt động đầu tư trực tiếp này.

1.2. Tác động xấu tới cán cân thanh toán

Trung Quốc và một số nước khác thường duy trì được cán cân thương mại. Thậm chí những năm gần đây, Trung Quốc luôn là nước xuất siêu. Trong khi đó, ở Malaysia, việc đáp ứng nguyên liệu đầu vào cho các doanh nghiệp FDI của các doanh nghiệp trong nước còn nhiều hạn chế. Nếu Malaysia hạn chế nhập khẩu sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất của các doanh nghiệp FDI và dĩ nhiên sẽ gây hạn chế xuất khẩu. Hệ lụy là tác động xấu tới cán cân thanh toán, dự trữ ngoại tệ của quốc gia. Nếu đẩy mạnh xuất khẩu dựa vào việc tăng nhập khẩu thì giá trị gia tăng của sản phẩm xuất khẩu sẽ thấp và không thúc đẩy việc liên kết giữa khu vực FDI với doanh nghiệp trong nước. Đây là mâu thuẫn khó giải quyết mà Malaysia gặp phải trong một thời gian dài, sau khi thực hiện chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu.

Một hạn chế cơ bản đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Malaysia là tình trạng nhập siêu ở một số ngành và lĩnh vực, tiêu biểu là ngành điện tử. Malaysia luôn phải đối mặt với tình trạng “khó xử” khi cân bằng lợi ích nhập khẩu và xuất khẩu hàng công nghệ cao. Nếu đẩy mạnh xuất khẩu thì đồng thời chấp nhận gia tăng nguồn nhập khẩu các yếu tố đầu vào dẫn tới tình trạng giá trị gia tăng thấp và ít khuyến khích phát triển các doanh nghiệp sản xuất cung cấp mặt hàng hỗ trợ trong nước. Ngược lại, nếu tìm cách hạn chế nhập khẩu yếu tố nguyên liệu đầu vào dẫn tới hạn chế khả năng sản xuất của doanh nghiệp FDI, từ đó làm giảm khả năng xuất khẩu.

1.3. Các vấn đề xã hội nảy sinh khác, đặc biệt là tệ tham nhũng

Trong hoạt động quản lý đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc, những vi phạm phổ biến thường liên quan tới việc cấp phép cho các doanh nghiệp FDI. Một trong những vụ vi phạm được đưa ra ánh sáng vào năm 2002 là vụ hàng trăm công chức ở tỉnh Quảng Đông tìm cách làm giả chứng từ xuất khẩu để giảm thuế hàng tỷ USD. Tuy nhiên, do một số yếu tố như hạn chế nêu danh tính của các doanh nghiệp có liên quan tới các vụ tham nhũng nhằm tránh cho các doanh nghiệp này có thể bị khởi tố ở nước mà họ có liên quan nên các báo cáo về tham nhũng của Trung Quốc có liên quan tới doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đã bị thay đổi ít nhiều.

Ngay cả việc xây dựng tràn lan các KCN, cũng nảy sinh nhiều vấn đề cần

giải quyết, trong đó có tham nhũng. Nhiều người dân bị mất đất nông nghiệp để phục vụ xây dựng các KCN, các con đường giao thông... Trong tổng số quỹ đất nông nghiệp bị thu hồi thì một phần diện tích đất vẫn bị bỏ hoang do cung vượt quá cầu, hoặc diện tích đó được phát triển thành khu dân cư, thương mại... Kết quả là đất trong các KCN trở thành phương tiện cho các quan chức địa phương đầu cơ. Nhiều quan chức địa phương là những người chờ đợi các khoản tiền lại quả từ các giao dịch đất đai đó¹.

Theo công bố của Viện kiểm soát nhân dân tối cao Trung Quốc, từ tháng 1/2005 đến tháng 5/2010, các nhà chức trách Trung Quốc đã thu hồi tổng cộng 31,26 tỷ nhân dân tệ, tương đương 4,62 tỷ USD qua các vụ án tham nhũng và đưa nhận hối lộ. Trong 5 năm, Trung Quốc đã điều tra và xử lý 178.393 người, thuộc 146.570 vụ liên quan đến tham nhũng, hối lộ. Trong số này, có 8.776 vụ liên quan đến lượng tài sản có trị giá nhiều hơn một triệu nhân dân tệ (147.700 USD) và 122.106 người đã bị kết án. Trong số những người đã bị điều tra, có 13.192 quan chức hàng tỉnh hoặc cao hơn. Thực tế chỉ ra rằng, nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang phải đối mặt với tệ tham nhũng, nhất là các nước đang phát triển. Tham nhũng góp phần gây ra những thiệt hại nặng nề cho nền kinh tế và cho xã hội. Theo ông Adam Graycar, Hiệu trưởng Trường Công lý Hình sự tại Đại học Rutgers State ở New Jersey, Hoa Kỳ và hiện là giáo sư thỉnh giảng tại Trung tâm Nghiên cứu Hoa Kỳ ở Sydney trả lời phỏng vấn của Phóng viên Sen Lam thuộc Đài Úc Châu: “Trong vấn đề tham nhũng, điều quan trọng nhất mà tất cả chúng ta đều biết là những quốc gia có nhiều tham nhũng là những quốc gia có mức phát triển kinh tế yếu kém. Tham nhũng gây trở ngại cho kinh tế, làm biến dạng các hệ thống cung cấp dịch vụ, đảo lộn nền tảng giáo dục. Nơi nào có tham nhũng, nơi đó gặp vô vàn khó khăn trong việc phát triển tài nguyên thiên nhiên. Quốc gia có thể phát triển nhiều hơn và nhanh hơn rất nhiều nếu tham nhũng bị chặn đứng hoặc giới hạn lại”.

Tại Malaysia, tệ tham nhũng cũng đang gây nhiều bức xúc trong dân chúng buộc các cơ quan chức năng phải vào cuộc. Thậm chí trong cuộc bầu cử Thủ tướng, vấn đề này được coi là rất hệ trọng trong cuộc tranh cử. Theo một thăm dò của báo The Star (Malaysia), 79% trong số 3.720 người được hỏi ý kiến đã xem tham nhũng là vấn đề hệ trọng nhất của đất nước và 55% tin rằng Thủ

¹ Wong, Siu-Wai and Tang, Bo-sin (2005). Challenges to the sustainability of development zone: A case study of Guangzhou development district, China. *Cities* 22(4):303-316.

tướng Badawi có khả năng giải quyết tệ nạn này.

Ông Badawi nói: “Tham nhũng gây ra lắm nhiều khê. Nó can thiệp vào chuyện điều hành của chính phủ cũng như việc thực thi nhiều vấn đề mà chúng ta muốn làm... Nó tạo ra tiếng xấu cho chính phủ và cho cả Malaysia.

2. Kinh nghiệm giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trong FDI ở một số nước châu Á và bài học rút ra cho Việt Nam

2.1. Những biện pháp giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trong FDI ở một số nước châu Á

2.1.1. Đối với sức ép về cạnh tranh có nguy cơ làm phá sản các doanh nghiệp trong nước

Để hạn chế nguy cơ và những hậu quả xấu do cạnh tranh gây ra, một mặt các doanh nghiệp trong nước phải nâng cao năng lực cạnh tranh của mình; mặt khác, Chính phủ phải có những điều chỉnh về mặt luật pháp, chính sách tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước phát triển. Biện pháp mà cả Trung Quốc và Malaysia hướng tới đó là thúc đẩy, nâng cao năng lực các nhà cung cấp đầu vào tại chỗ cho các doanh nghiệp FDI, bằng chính sách khuyến khích các ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển và tăng cường liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp FDI trong chuỗi giá trị. Ở Trung Quốc, ngay từ những năm đầu của cải cách, mở cửa, theo tư tưởng của Đặng Tiểu Bình, Trung Quốc thực hiện chủ trương, biện pháp có tính đột phá như, “không phân biệt mèo trắng, mèo đen”, “năm to bỏ nhỏ”... Vì vậy, các loại hình doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp tư nhân được tạo điều kiện phát triển trong môi trường hành lang pháp lý thuận lợi và do đó các doanh nghiệp của Trung Quốc đã nhanh chóng tạo được uy tín và thành công trên thị trường trong và ngoài nước. Các nước phát triển từng phải ngạc nhiên và lo ngại về sự phát triển nhanh chóng của Trung Quốc gần đây trở thành “công xưởng” của thế giới. Điều này càng khẳng định một thực tế khách quan, muốn giảm sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp FDI, Chính phủ và các doanh nghiệp trong nước phải có sự đồng thuận. Chính phủ tạo điều kiện cho doanh nghiệp bằng cơ chế, chính sách; doanh nghiệp tích cực, chủ động cải cách, tự đổi mới, tất yếu vượt qua mọi sức ép từ bên ngoài.

Để giải quyết khó khăn này, một mặt, Chính phủ Malaysia đã đưa ra các chính sách tín dụng, tạo điều kiện cho các tập đoàn kinh tế lớn, ví dụ như tập

đoàn Proton có thể hồi phục. Mặt khác, Malaysia chủ động cho phép nhà đầu tư nước ngoài được tham gia vào quá trình tư nhân hóa ở tập đoàn kinh tế lớn. Chẳng hạn, Malaysia đã cho phép một công ty hàng không được phép mua cổ phần của hãng hàng không Malaysia (MAS). Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước, biện pháp cơ bản là khuyến khích tạo ra doanh nghiệp lớn thông qua sát nhập các doanh nghiệp nhỏ.

Bên cạnh đó, Malaysia thực hiện khuyến khích các doanh nghiệp FDI tăng cường liên kết với các doanh nghiệp địa phương, một mặt bằng các ưu đãi; mặt khác, định hướng phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, tạo ra các nhà cung cấp đầu vào tại chỗ cho các doanh nghiệp FDI.

2.1.2. Đối với tình trạng mất cân đối giữa các ngành, vùng kinh tế

Về tình trạng mất cân đối giữa các ngành, vùng kinh tế, Trung Quốc nỗ lực dành những khoản đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, thông tin liên lạc... nhằm thúc đẩy sự giao lưu giữa các vùng, đặc biệt là hướng tới các khu vực ở miền Trung và miền Tây.

Tại các vùng có điều kiện khó khăn, Trung Quốc dành những ưu đãi vượt trội nhằm khuyến khích nhà đầu tư, nhất là trong trường hợp liên doanh với các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ tại các địa phương này. Các khuyến khích bao gồm miễn và giảm thuế trong 5 năm đầu, giảm 50% trong 3 năm tiếp theo và sau đó nhà đầu tư chỉ phải đóng mức thuế suất 15%. Ngoài ra, thời hạn thành lập doanh nghiệp liên doanh có thể lên tới 99 năm và được hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất.

Trong những năm gần đây, Trung Quốc đưa ra chiến lược mới nhằm phát triển kinh tế tại các vùng, đặc biệt là các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn như miền Tây, thì nhiều KCN mới chính thức được chính quyền trung ương phê duyệt hình thành. Theo Bộ Tài nguyên và đất đai Trung Quốc, trong số 3.837 KCN, chỉ có 6% được phê duyệt bởi Quốc vụ viện và 26,6% được phê duyệt bởi chính quyền cấp tỉnh.

Để khắc phục tình trạng mất cân đối giữa các ngành, vùng kinh tế, Malaysia tập trung vào phát triển các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng có quy mô lớn tại các vùng có điều kiện khó khăn. Cụ thể là, Malaysia đang thực hiện dự án “Khu kinh tế Nam Johor Baru” ở phía Nam của Malaysia với hy vọng biến đây trở thành một Hồng Kông thứ hai, không chỉ cạnh tranh được với các nước

trong khu vực mà còn có khả năng cạnh tranh với Dubai của Tiểu vương quốc Arab, Thâm Quyển của Trung Quốc hay Bangalore của Ấn Độ. Đây được coi là một trong dự án rất tham vọng với nguồn vốn cần huy động 105 tỷ USD trong thời gian 20 năm. Malaysia mong muốn dự án này đi vào hoạt động sẽ giúp các bang ở miền Nam nước này tăng trưởng kinh tế mạnh, thu hút nhiều lao động...

2.1.3. Đối với hoạt động chuyển giá của các doanh nghiệp FDI

Nhận thức rõ tác hại của việc chuyển giá, các quốc gia tiếp nhận đầu tư đã và đang áp dụng nhiều chính sách, biện pháp cụ thể để ngăn ngừa, hạn chế hoạt động này trong khu vực FDI.

Trước năm 2008, Trung Quốc duy trì song song hai hệ thống thuế, một cho doanh nghiệp trong nước và một cho các doanh nghiệp FDI. Một cuộc khảo sát năm

2005 cho thấy hai hệ thống thuế tạo ra sự chênh lệch về thuế suất gần 10% giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI. Điều đó khiến cho doanh nghiệp FDI được hưởng lợi. Tuy nhiên, ngày 16 tháng 3 năm 2007, Quốc hội đã ban hành Luật thuế TNDN mới, thống nhất một mức thuế suất chung cho hai hệ thống luật thuế TNDN này và có hiệu lực từ ngày 01/01/2008, áp đặt một mức thuế suất thống nhất 25% cho tất cả các doanh nghiệp, trong nước và doanh nghiệp FDI.

Mặt khác, Trung Quốc củng cố hệ thống thuế theo hướng tăng cường biện pháp điều chỉnh chuyển giá. Các quy định về chuyển giá hiện có hiệu lực ở Trung Quốc gồm: Luật Thuế TNDN (2007); thực hiện Quy phạm pháp luật thuế TNDN (2007); Thông tư Guoshuifa số 2 (2009).

Thuế TNDN năm 2007 mang lại nhiều quy định về giá chuyển giao cho Trung Quốc phù hợp với các quy tắc áp dụng trong các nền kinh tế phát triển khác trên thế giới. Đây là cơ sở để điều chỉnh thu nhập chịu thuế của người nộp thuế khi họ thực hiện giao dịch với các bên liên kết chưa đúng theo hướng dẫn của “nguyên tắc giá thị trường”. Luật thuế này yêu cầu người nộp thuế phải gửi tài liệu trình bày rõ về giao dịch với bên liên kết cùng với tờ khai thuế hàng năm của họ. Người nộp thuế cũng được yêu cầu nộp các tài liệu liên quan về giao dịch với các bên liên kết như giá cả, tiêu chuẩn xác định chi phí, phương pháp tính toán và giải thích khi được kiểm toán. Cụ thể Luật thuế TNDN có qui định: các doanh nghiệp có các giao dịch tài sản hữu hình liên quan đến các bên liên

kết có giá trị hàng năm trên 200 triệu NDT hoặc có các giao dịch giữa các bên liên kết trên 40 triệu NDT phải chuẩn bị tài liệu giải trình rõ.

Về cơ bản, các quy định chống chuyển giá của Trung Quốc được xây dựng dựa trên cơ sở hướng dẫn của OECD. Tuy nhiên, Luật chống chuyển giá của Trung Quốc cũng có một số điểm khác biệt như sau:

(i) Nghĩa vụ nộp thuế ở Trung Quốc không được hợp nhất nghĩa là nếu một tập đoàn kinh tế có các chi nhánh tại các tỉnh thành khác nhau của Trung Quốc sẽ chịu thanh tra về thuế chống chuyển giá nhiều lần.

(ii) Khi cơ quan thuế của tỉnh này chấp nhận một vấn đề nào đó về thuế thì chưa chắc cơ quan thuế ở địa phương khác chấp nhận.

(iii) Nếu bị xác định là có hành vi chuyển giá tại công ty, thì các điều chỉnh về định giá chuyển giao do cơ quan thuế Trung Quốc đưa ra sẽ được áp đặt cho tất cả các loại thuế có liên quan như thuế TNDN, thuế GTGT, thuế xuất nhập khẩu...

(iv) Nguồn dữ liệu dùng cho so sánh trong chống chuyển giá được cơ quan thuế Trung Quốc xây dựng trên cơ sở so sánh bí mật.

Với biện pháp, chế tài xử phạt đối với hành vi chuyển giá. Điều 60 và 73 của Luật quản lý thuế quy định rằng hành vi vi phạm luật có thể bị phạt tiền, và những vi phạm nghiêm trọng như trốn thuế, gian lận thuế có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Luật thuế TNDN Trung Quốc cũng nêu rõ, từ sau ngày 01 tháng 1 năm 2008 các khoản thuế bị trả thiếu liên quan đến giao dịch giữa các bên liên kết sẽ phải chịu một khoản lãi phí. Khoản lãi suất này được tính bằng lãi suất cho vay cơ bản NDT của Ngân hàng Nhân Dân Trung Quốc cùng kỳ cộng 5% phí. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp cung cấp được các tài liệu và thông tin liên quan khác theo quy định thì 5% phí tăng thêm này có thể được giảm bớt hoặc loại bỏ hoàn toàn.

Trung Quốc khuyến cáo những hậu quả bất lợi mà những người không tuân thủ quy định giá chuyển nhượng có thể gặp đó là người nộp thuế có thể bị đưa vào một trong những mục tiêu đầu tiên cho một cuộc thanh tra về vấn đề định giá chuyển giao. Thông thường, người nộp thuế không được chấp nhận tham gia vào các thỏa thuận giá trước.

Trong năm 2009, cơ quan Thuế Trung Quốc đặc biệt tập trung vào các chủ thể, công ty có giao dịch với các khu vực có luật thuế thấp. Ngoài ra, các phòng thuế tại các thành phố thuộc Bắc Kinh, Thượng Hải và tại các tỉnh ven biển cũng rất tích cực trong việc thực hiện hoạt động kiểm toán giá chuyên nhượng, các giao dịch liên quan đến tiền bản quyền và phí dịch vụ lao động cũng được kiểm soát chặt chẽ. Trong những năm gần đây, cơ quan thuế tập trung mạnh vào các ngành may mặc, điện tử và viễn thông, thực phẩm và nước giải khát, bán lẻ, công nghiệp, ô tô, dược phẩm, và các ngành công nghiệp dịch vụ, cũng như về các vấn đề tài chính liên quan đến xây dựng cơ sở hạ tầng và các công ty có vốn đầu tư ra bên ngoài.

Ở Malaysia, mặc dù đã có thời gian thu hút vốn đầu tư tương đối dài, nhưng phải tới tận tháng 7 năm 2003, Chính phủ Malaysia mới đưa ra “*Hướng dẫn về chuyển giá*”. Theo đó, doanh nghiệp có thể được chọn nhiều phương thức tính giá chuyên giao khác nhau, nhưng giá tính toán phải ngang bằng với mức giá phổ biến trên thị trường. Các doanh nghiệp phải tuân thủ theo một thủ tục được gọi là “phân tích so sánh” trước khi áp dụng các phương pháp tính giá. Cục trưởng Cục thuế Malaysia có quyền quyết định xem xét tới tính hiệu lực của hoạt động chuyển giá của doanh nghiệp thực hiện.

Cơ quan thuế của Malaysia ngày càng quan tâm đến các trường hợp giá chuyên giao. Hội đồng doanh thu nội địa của Malaysia (IRB) là đơn vị thu thập dữ liệu để thực hiện kiểm toán giá chuyên giao. Ngay từ năm 1999, các tờ khai thuế thu nhập đã yêu cầu người nộp thuế tiết lộ một số dữ liệu thống kê và tài chính... Cũng năm này, hệ thống tự đánh giá thông qua thuế thu nhập được Malaysia sửa đổi và giới thiệu. Hệ thống này có hiệu lực với người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ năm 2001. Theo chế độ tự đánh giá, trách nhiệm tính toán thu nhập chịu thuế và thuế thu nhập phải nộp chuyển sang người nộp thuế. Trong trường hợp chuyển giá, người nộp thuế sẽ phải chịu trách nhiệm biện minh rằng, giao dịch của họ với các bên liên quan được thực hiện ở giá hợp lý. Trong trường hợp kết quả kiểm toán điều chỉnh thu nhập chịu thuế cao hơn, thì hình phạt lên đến 100% số thuế bị đánh có thể được áp dụng.

Để định giá chuyên giao, hiện nay, không có quy định cụ thể trong pháp luật Malaysia cho IRB về một thỏa thuận định giá trước. IRB không tham gia vào bất kỳ thỏa thuận định giá trước với người nộp thuế. IRB ưu đãi cả phương pháp giá bán lại hoặc phương pháp cộng thêm chi phí để đi đến giá hợp lý.

IRB chưa ban hành các hướng dẫn liên quan đến tài liệu mà người đóng thuế nên duy trì cho các mục đích định giá chuyển giao. Do đó, trong thực tế IRB sẽ nghiên cứu tài liệu được cung cấp theo yêu cầu khi xem xét các giao dịch của các bên liên quan.

Để thực hiện quyền hạn của mình trong việc chống lại các giao dịch bị phát hiện lợi dụng các lợi ích về thuế, IRB có thể áp dụng các biện pháp như, (i) xử phạt trên tổng thu nhập của người nộp thuế; (ii) điều chỉnh lại thu nhập chịu thuế và nghĩa vụ thuế của người đó; (iii) nâng cao đánh giá hoặc đánh giá bổ sung; (iv) vô hiệu hóa việc hoàn thuế và yêu cầu trả lại khoản thuế đã được hoàn trả.

Các hình phạt được quy định trong Luật thuế của Malaysia như sau: (i) áp đặt một hình phạt lên đến 100% số thuế đóng thiếu, nếu người nộp thuế tính toán không chính xác; (ii) một hình phạt lên đến 200% số thuế đóng thiếu và phạt tiền từ 1000 RM đến 10.000 RM, nếu người nộp thuế bị coi là sơ suất trong tính toán; (iii) một hình phạt lên đến 300% số thuế đóng thiếu và phạt tiền từ 1000 RM đến 20.000 RM và/ hoặc phạt tù không quá 3 năm, nếu người nộp thuế bị coi là sẵn sàng và cố tình trốn thuế. Ngoài ra, những người hỗ trợ, tư vấn trong việc kê khai thấp thu nhập chịu thuế cũng bị coi là phạm tội và phải chịu phạt tiền từ 2000 RM đến 20.000 RM, trừ phi họ dẫn ra được những minh chứng trước tòa cho rằng sự hỗ trợ đó là hợp lý.

2.1.4. Đối với tình trạng chuyển giao những công nghệ cũ, lạc hậu

Để khắc phục tình trạng công nghệ cũ, lạc hậu chuyển giao vào trong nước thông qua FDI, Trung Quốc đặt ra mục tiêu thu hút vốn và công nghệ từ các TNC, đặc biệt là các TNC đến từ Mỹ và phương Tây để nâng cấp kết cấu kỹ thuật và ngành nghề, phát triển các ngành kỹ thuật cao, tiên tiến, hiện đại. Do đó, Trung Quốc chủ động áp dụng chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi cho các TNC đầu tư. Cho đến nay, Trung Quốc đã thu hút được 450 TNCs trong Top 500 TNCs có tiềm lực hàng đầu thế giới về vốn, công nghệ hiện đại, trình độ quản lý tiên tiến.

Bên cạnh đó, Trung Quốc luôn coi trọng chuyển giao công nghệ và hiệu ứng lan tỏa từ FDI. Gần đây, Trung Quốc đòi hỏi việc chuyển giao nghiêm túc bí quyết công nghệ của các nhà đầu tư từ Đức và Nhật Bản khi cho phép họ tham gia những dự án đầu tiên về đường sắt cao tốc, lập ra cơ sở sản xuất với hàng ngàn kỹ sư cao cấp để ứng dụng công nghệ mới.

Ngoài ra, Trung Quốc tạo môi trường tốt để thu hút các cơ sở R&D của các TNC. Theo thống kê của Bộ Thương Mại Trung Quốc, hiện nay các TNC đã thiết lập hơn 700 cơ sở R&D ở Trung Quốc. Hầu hết các cơ sở này đặt tại Bắc Kinh, Thượng Hải, và Thẩm Quyển. Hiện tại, chính quyền Thẩm Quyển có nhiều chính sách ưu đãi để thu hút các cơ sở R&D. Ngoài các ưu đãi về thuế, chính quyền còn hỗ trợ 3 triệu NDT, nếu cơ sở R&D đặt tại đây.

Nhằm thực hiện việc tạo môi trường và định hướng đổi mới, thu hút công nghệ hiện đại, ngày 9/2/2006, Trung Quốc đưa ra kế hoạch dài hạn về phát triển khoa học công nghệ quốc gia (2006 - 2020). Đồng thời, ngày 26/6/2006, Trung Quốc đưa ra một số chính sách hỗ trợ thực hiện kế hoạch trên. Trong đó gồm các biện pháp tăng đầu vào R&D, khuyến khích thuế, hỗ trợ tài chính, bảo vệ quyền sở hữu...

Ở Malaysia, để phát huy năng lực nội sinh, giúp các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp nhận và làm chủ công nghệ, nước này thường xuyên cung cấp cho các doanh nghiệp thông tin mới, bản quyền công nghệ, khuyến khích hoạt động R&D, hỗ trợ đẩy mạnh liên kết với nước ngoài. Trong đó, chú trọng tới liên kết với các viện công nghệ của Ấn Độ, Viện nghiên cứu điện tử và công nghệ Hàn Quốc, Viện nghiên cứu công nghệ công nghiệp Đài Loan...

Đầu tư cho hoạt động R&D về khoa học và công nghệ được Malaysia rất chú trọng. Ví dụ như, Malaysia đưa ra kế hoạch tài trợ 3,1 tỷ RM cho các chương trình R&D về phát triển công nghiệp, chương trình MNC, thương mại hóa đầu ra của R&D thực hiện từ năm 1997, 1998 đến 2004. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ 9 (2006 - 2010), chi 3,8 tỷ RM cho hoạt động R&D.

Malaysia lập “Quỹ đầu tư công nghệ mới” với vốn ban đầu là 500 triệu RM, nhằm cung cấp các khoản chi cho đào tạo, cấp kinh phí trong các dự án của một số lĩnh vực nhất định để thực hiện các hoạt động R&D và xúc tiến nhãn hiệu mới. Năm 2010, Malaysia chi khoảng 1,5% GDP nhằm nâng cao năng lực R&D của quốc gia., trong đó chú trọng vào công nghệ cao và các hoạt động thiên về kinh tế tri thức. Mục tiêu của Malaysia đến năm 2020 sẽ là nước đóng góp, chứ không chỉ tiêu dùng công nghệ thế giới.

Nhằm khuyến khích chuyển giao công nghệ mới, hiện đại thông qua FDI, Malaysia đưa ra chính sách định hướng các dự án FDI sử dụng công nghệ cao,

tham gia vào hoạt động nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm, tham gia vào chương trình kết nối công nghiệp... Biện pháp thực hiện cụ thể là áp dụng ưu đãi cao về thuế thu nhập doanh nghiệp (miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 5 năm, giảm 60% thuế đối với chi phí vốn). Đồng thời, Malaysia thực hiện chính sách tự do hóa chuyển giao công nghệ bằng cách cho phép tự động thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ ký kết giữa các công ty trong nước, kể cả doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài với bất kỳ đối tác nước ngoài nào.

2.1.5. Đối với những bất cập về điều kiện sinh hoạt và làm việc cho người lao động

Để khắc phục những bất cập này, cùng với phát triển các KCN ở những vùng kém phát triển, Malaysia có các chương trình phát triển đường sá, các trung tâm giáo dục, y tế, nhà ở... Đây là những cơ sở vật chất gắn liền với quy hoạch vùng, khi Malaysia quyết định lựa chọn một số vị trí của các vùng kém phát triển.

Còn ở Hàn Quốc, do bắt đầu phát triển các KCN từ những năm 1960, nên thời gian đầu cũng gặp nhiều khó khăn trong việc giải quyết vấn đề nhà ở cho người lao động. Song, nước này lại có những kinh nghiệm thú vị về việc để cho cộng đồng dân cư địa phương cung cấp dịch vụ cho thuê nhà ở cho công nhân ở các KCN.

Việc hình thành các KCN kéo theo làn sóng người lao động (cả trong và ngoài nước) di cư đến và gia tăng nhanh chóng. Nhu cầu về nhà ở tại các khu vực gần KCN, KCX trở nên cấp thiết, làm xuất hiện nhiều dịch vụ môi giới và cho thuê nhà. Sự gia tăng việc xin cấp phép xây dựng nhà ở của người dân địa phương được đánh giá là không phải do các yếu tố như phục hồi kinh tế sau khủng hoảng 1998, hay chiến lược phát triển kinh tế của địa phương, mà do nhu cầu tăng lên từ dòng công nhân di cư đến. Từ năm 1999, chất lượng tiêu chuẩn của các khu nhà cũng được cải thiện. Nhà ở được cung cấp rất đa dạng từ diện tích nhỏ, trung bình đến diện tích lớn.

2.1.6. Đối với vấn đề ô nhiễm môi trường

Nhận thức rõ tầm quan trọng trong việc giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, Trung Quốc hoàn thiện cơ quan quản lý môi trường theo ba cấp: (i) Ủy ban bảo vệ môi trường và tài nguyên thuộc Quốc Vụ Viện Trung Quốc; (ii) Hội đồng bảo vệ môi trường quốc gia; (iii) Cơ quan bảo vệ môi trường quốc gia.

Ngoài ra, đối với Hội đồng bảo vệ môi trường quốc gia và Cơ quan bảo vệ môi trường quốc gia được phân cấp tới địa phương. Do vậy, hệ thống luật pháp về bảo vệ môi trường được ban hành khá sớm như, Luật bảo vệ môi trường được thông qua năm 1979 và sửa đổi vào năm 1989, ban hành việc thực hiện đánh giá tác động môi trường từ đầu thập niên 1990. Theo nghiên cứu của Shunsuke Managi và Shinji Kaneko, thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường của Trung Quốc không có nhiều tác động tới tăng năng suất hay cải tiến công nghệ, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề từ hoạt động của doanh nghiệp FDI trong điều chỉnh bảo vệ môi trường.

Thấy được vấn đề ô nhiễm môi trường sinh thái do doanh nghiệp FDI gây ra, ngay từ năm 1974, Malaysia đã sửa đổi Luật Chất lượng môi trường để khuyến khích doanh nghiệp thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. Cụ thể như, miễn giảm thuế thu nhập đối với doanh nghiệp cung cấp các thiết bị xử lý rác thải; miễn giảm thuế đối với các doanh nghiệp nhập khẩu các máy móc, thiết bị ít gây ô nhiễm môi trường; doanh nghiệp thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường được phép tính các chi phí bảo vệ môi trường từ 2 - 4% giá thành sản xuất trong hạch toán kết quả kinh doanh.

Để đảm bảo tính hiệu quả trong khuyến khích hoạt động bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp FDI, MIDA còn phân chia các lĩnh vực cụ thể như: (i) khuyến khích đối với trồng rừng, (ii) khuyến khích đối với doanh nghiệp thực hiện biện pháp bảo quản, xử lý và phân hủy các chất thải độc hại, (iii) khuyến khích đối với hoạt động tái chế; (iv) khuyến khích hoạt động tiết kiệm năng lượng; (v) khuyến khích đối với sản xuất năng lượng dựa vào nguồn tài nguyên tái tạo; (vi) khuyến khích đối với hoạt động tự sản xuất các nguồn năng lượng tái tạo; (vii) khuyến khích thuế đối với doanh nghiệp đạt chứng chỉ Tòa nhà thân thiện với môi trường. Nhìn chung, mức ưu đãi thuế là 60 - 70% trong thời gian 5 đến 10 năm.

Để giải quyết tốt vấn đề ô nhiễm môi trường, Nhật Bản luôn coi trọng vai trò của cộng đồng dân cư và các chính quyền địa phương lớn hơn vai trò của Nhà nước. Đây là quan điểm mang tính quyết định trong việc giải quyết vấn đề này tại Nhật Bản, nhằm tạo ý thức, trách nhiệm của chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư đối với môi trường sống. Trước thời điểm xảy ra động đất và sóng thần (11/3/2011), Nhật Bản được coi là một trong những quốc gia có hệ thống cơ sở hạ tầng tốt nhất và sạch nhất thế giới.

Ở Hàn Quốc, thực tế cho thấy, thời gian đầu, do có sự không thống nhất giữa các bộ, ngành trong xử lý các KCN gây ô nhiễm làm cho công tác ngăn ngừa, xử lý mất thời gian và không hiệu quả. Tuy nhiên, sau khi phát hiện nguyên nhân này, các bộ, ngành của Hàn Quốc đã đạt được sự nhất trí xử lý bằng cách đưa ra những khuyến khích các doanh nghiệp trong KCN cải tiến công nghệ sản xuất, để vừa nâng cao năng suất, vừa giảm gây ô nhiễm². Từ sự phối hợp giữa các bộ, ngành trong việc ngăn chặn, xử lý ô nhiễm từ các KCN đã dẫn đến chương trình quốc gia chuyển đổi các KCN thành các khu công nghiệp - sinh thái (eco – industrial parks).

Ở Đài Loan, giai đoạn đầu, chính quyền Đài Loan tỏ ra bị động trong việc ứng phó với vấn đề các KCN gây ô nhiễm môi trường. Cách giải quyết chủ yếu của Đài Loan trong giai đoạn này là đưa các nhà máy từ thành phố ra các vùng nông thôn. Trong thập niên 1960, 1970, khoảng hai phần ba các KCN mới được xây dựng xa các thành phố chính và các vùng vệ tinh³.

Do không có những quy định về môi trường chặt chẽ, chính quyền một mặt chỉ đưa ra những tiêu chuẩn ô nhiễm tối thiểu và phí nộp phạt đối với việc gây ô nhiễm quá ít đến mức doanh nghiệp chấp nhận nộp phạt chứ không muốn đầu tư những thiết bị xử lý ô nhiễm. Mặt khác, sự bất lực của chính quyền trước nạn ô nhiễm làm gia tăng xung đột giữa các bên liên quan và làm tăng thêm sự phẫn nộ của nạn nhân ô nhiễm.

Các cuộc xung đột có liên quan đến ô nhiễm môi trường ngày càng nhiều, với các hình thức khác nhau. Do đó, phương thức giải quyết các xung đột về môi trường trong giai đoạn này là Quốc dân đảng đứng trung gian giữa bên gây sức ép chính thức và không chính thức để chấm dứt xung đột. Tuy nhiên, cho dù người dân hay công nhân có thể được đền bù, song ô nhiễm vẫn không thể giải quyết.

Năm 1987, Cục Bảo vệ Môi trường được thành lập. Cơ quan này đưa ra những tiêu chuẩn đánh giá tác động môi trường để ngăn chặn và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường từ các KCN, KCX. Cơ quan này cũng đòi hỏi việc ban hành các quy định, ưu đãi. Đồng thời tăng cường giám sát, quan tâm tới

² Chung, Jae-Yong and Kirkby, Richard J.R. (2002). The Political Economy of Environment and Development in Korea. Routledge.

³ Ho (1982). "Economic Development and Rural Industry in South Korea and Taiwan". World Development 10 (11): 973-990

tác hại môi trường và phải hiểu rõ mức độ ô nhiễm và ảnh hưởng của phế thải tới không khí, đất và nước, cũng như sức khỏe con người.

2.1.7. Đối với vấn đề tranh chấp lao động

Trung Quốc thực hiện điều chỉnh việc thuê, tuyển dụng lao động thông qua quy định về hợp đồng lao động. Tại các đặc khu kinh tế, chủ đầu tư được phép sa thải người lao động trong trường hợp người lao động vi phạm kỷ luật, gây thiệt hại cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để tránh việc sa thải bất hợp lý, Trung Quốc đưa ra quy định rõ về các trường hợp không được phép sa thải công nhân. Ở một số đặc khu kinh tế, ban quản lý đặc khu yêu cầu doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo hợp đồng lao động, cho phép doanh nghiệp trích lập quỹ bảo hiểm ở mức 20 - 25% tổng quỹ lương để giải quyết chế độ đối với người lao động khi họ thôi việc.

2.1.8. Đối với hạn chế tác động xấu tới cán cân thanh toán

Để giải quyết tình trạng nhập siêu ở một số ngành và lĩnh vực, đặc biệt là các ngành sử dụng công nghệ cao, Malaysia đã chủ trương nâng cao năng lực khoa học công nghệ trong nước với phương châm “Malaysia không chỉ nhập khẩu công nghệ mà còn tiến tới đóng góp tạo ra công nghệ mới cho thế giới vào năm 2020. Những biện pháp này được đặc biệt đẩy mạnh từ giai đoạn khủng hoảng 1997 - 1998 theo hai hướng: (i) nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (ii) nâng cao khả năng nghiên cứu và phát triển. Đồng thời, Malaysia coi trọng việc khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ.

Malaysia cho xây dựng Trung tâm phát triển kỹ năng Penang (PSDC) nhằm cung cấp hỗ trợ chương trình đào tạo cho người lao động trên cơ sở đóng góp của Chính phủ Malaysia và các doanh nghiệp FDI, đáng kể nhất là các TNC lớn như Motorola, Intel... Chính phủ Malaysia hỗ trợ khoảng 500 triệu RM (tương đương với 163 triệu USD) làm nguồn vốn cho vay đối với sinh viên học tập tại PSDC và dành 100 triệu RM (tương đương với 36 triệu USD) cho sinh viên tốt nghiệp để có thể nâng cao kỹ năng như kế toán, công nghệ thông tin.... Đối với đội ngũ quản lý, Malaysia đã cho phép thành lập trường đại học quốc tế, chủ yếu đến từ Anh, Úc và Hoa Kỳ được thành lập và hoạt động. Những trường đại học này không những cung cấp môi trường đào tạo cho người Malaysia mà cho chính con em của những lao động quản lý người nước ngoài, qua đó góp phần tạo điều kiện cho người nước ngoài yên tâm làm việc lâu dài tại Malaysia.

Để đáp ứng được nguồn nhân lực phục vụ cho nền kinh tế tri thức, Malaysia cũng hết sức quan tâm đào tạo nguồn nhân lực cho công nghệ thông tin.

Thực hiện nâng cao năng lực R&D, Malaysia đã xây dựng “Quỹ đầu tư công nghệ mới” với vốn ban đầu là 500 triệu RM (tương đương 163 triệu USD). Nguồn vốn đầu tư cho giai đoạn 1997 - 2004 là 3,1 tỷ RM (tương đương với 1,1 tỷ USD) và trong kế hoạch 2006 - 2010, ước là 3,8 tỷ RM (tương đương với gần 1,2 tỷ USD). Những khoản đầu tư này bao gồm chi phí cho những chuyên gia hướng dẫn người nước ngoài, chi phí cho học viên, chi phí cho các doanh nghiệp thực hiện R&D và xúc tiến nhãn hiệu mới, nhằm khuyến khích chuyển giao công nghệ từ nước ngoài đặc biệt là các doanh nghiệp FDI. Nhờ vậy, chỉ số về khả năng sáng tạo của nền kinh tế Malaysia đứng thứ 25 trên thế giới, đứng thứ hai trong khu vực Đông Nam Á (sau Singapore, thứ 10 thế giới).

2.1.9. Đối với các vấn đề xã hội nảy sinh khác như tham nhũng

Tham nhũng đã được xác định là một vấn đề nghiêm trọng ảnh hưởng tới đời sống kinh tế xã hội. Nhằm hạn chế tệ nạn tham nhũng, Trung Quốc cố gắng thực hiện minh bạch hóa hệ thống pháp luật, giảm thiểu sự nhập nhằng giữa các văn bản, từ đó giảm sự tự tiện áp đặt quan điểm cá nhân. Mặt khác, Trung Quốc cũng tăng cường trách nhiệm của cá nhân công chức trong hệ thống cơ quan Nhà nước.

Tuy nhiên, biện pháp được đánh giá cao của Trung Quốc là chống tệ nạn tham nhũng thông qua thực thi các biện pháp hết sức nghiêm khắc.

Để đối phó với hiện tượng tham nhũng đang có nguy cơ đe dọa tới sự ổn định của Trung Quốc, hiện có 3 cơ quan đảm trách hoạt động chống tham nhũng là Viện kiểm soát tối cao, Bộ Giám sát và Bộ An ninh công cộng. Một trong những yếu tố quan trọng là khung hình phạt đối với hành vi tham nhũng của Trung Quốc rất nghiêm khắc. Nếu tham nhũng với số tiền 5000 NDT (tương đương 625 USD), án phạt tù tối đa là 2 năm; nếu tham nhũng từ 50.000 - 100.000 NDT (tương đương với 6.250 - 12.500 USD), án phạt là tù chung thân; nếu tham nhũng từ 100.000 NDT trở lên (tương đương trên 12.500 USD), hình phạt là án tử hình kèm theo tịch thu tài sản xung công quỹ.

Tháng 7 năm 2010, Trung Quốc tiếp tục củng cố thêm một số điều luật về phòng chống tham nhũng. Theo đó, tất cả các công chức nhà nước sẽ phải công

khai thu nhập, đầu tư, tài sản. Thành viên trong gia đình cũng phải báo cáo thu nhập, nhằm tránh việc tiền do tham nhũng được che giấu dưới tên người khác. Nước này tuyên bố cuộc chiến với tham nhũng là cuộc chiến sống còn đối với Đảng Cộng sản.

Malaysia là một trong các quốc gia đi đầu trong việc thành lập Học viện chống tham nhũng đầu tiên ở Đông Nam Á và cũng là nước đầu tiên trong khu vực Đông Nam Á ký Hiệp ước chống tham nhũng của Liên hợp quốc. Đây có thể là coi là cam kết của Malaysia trong việc chống lại tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực, từ đó, tạo lòng tin đối với nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, Malaysia cũng thành lập “Học viện đạo đức công cộng quốc gia” nhằm nâng cao chất lượng và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ công chức, trên cơ sở đó để xây dựng đội ngũ công chức nhà nước trong sạch, có trách nhiệm.

3. Bài học rút ra cho Việt Nam

3.1. Bài học thành công

** Quan điểm xây dựng chính sách thu hút FDI và giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trong FDI*

Nhằm khắc phục những tác động tiêu cực của hoạt động FDI đối với các vấn đề kinh tế - xã hội, chính phủ Trung Quốc đã thực hiện nhiều biện pháp, chính sách nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh trong FDI. Phương châm giải quyết những vấn đề kinh tế xã hội của Trung Quốc được nêu rõ trong Báo cáo chính trị của Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 16 là “*Kiên trì lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, dùng biện pháp phát triển để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong bước đường tiến lên*”. Qua đó, Trung Quốc nêu ra 10 phương châm về sự cần thiết:

(i) Cần phải tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật hiện hành.

(ii) Cần phải ban hành thêm các quy định pháp luật mới.

(iii) Cần làm cho các quy định pháp luật mới bớt mơ hồ hơn.

(iv) Cần thực hiện hòa giải các xung đột pháp luật.

(v) Cần bảo vệ các hợp đồng trước các quy định pháp luật.

(vi) Cần phải tạo ra những cơ hội để góp ý hoàn thiện các quy định pháp luật. (vii) Cần phải có sự giải thích quy định pháp luật của các cấp có thẩm quyền. (viii) Cần phải xóa bỏ những quy định có tính “nội bộ”.

(ix) Cần phải pháp huy vai trò của hợp đồng mẫu.

(x) Cần phải nâng cao chất lượng dịch thuật của các văn bản pháp luật. Malaysia đưa ra quan điểm về xây dựng chính sách gắn liền giữa ổn định chính trị và phát triển kinh tế. Tuyên bố của thủ tướng Mahathir Mohamed “*Dân tộc Malaysia phải được phát triển trong thể thống nhất, trong xã hội yên bình, ổn định về chính trị, quản trị công hiệu quả, đảm bảo chất lượng cuộc sống, giá trị tinh thần và xã hội cao thượng, khoan dung, tự hào và tự tin dân tộc*”. Đây chính là quan điểm của Malaysia trong việc giải quyết các vấn đề xã hội trong quá trình phát triển kinh tế. Từ đó, làm nền tảng cho việc giải quyết vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trong hoạt động thu hút vốn FDI.

** Chính sách thu hút FDI được xây dựng và thực hiện có bài bản, có lộ trình*

Chính sách thu hút FDI của Trung Quốc được xây dựng và thực hiện một cách có bài bản, lộ trình và luôn tuân theo một quy hoạch tổng thể gắn với vùng, miền, ngành kinh tế... đã góp phần khắc phục sự mất cân đối trong phát triển các ngành, vùng miền và các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh khác trong FDI ở Trung Quốc.

Trong khi đó, Malaysia có chính sách thu hút FDI kết hợp hài hòa lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài và lợi ích quốc gia. Mặc dù FDI đóng góp tích cực cho quá trình phát triển kinh tế xã hội, góp phần đưa Malaysia tham gia vào nhóm các nước công nghiệp mới, nhưng cũng không thể phủ nhận một số hạn chế nhất định của FDI. Vì vậy, chủ trương thu hút FDI được xem xét toàn diện, gắn liền với tính hiệu quả, không nhất thiết chú trọng quá mức tới các biện pháp ưu đãi đối với nhà đầu tư.

** Chú trọng việc sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện luật pháp, chính sách kịp thời và đồng bộ*

Trung Quốc rất quan tâm đến việc sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện kịp thời những bất cập về luật pháp và chính sách trong thu hút FDI.

Giai đoạn 1979 - 1983, Trung Quốc thành lập 4 đặc khu kinh tế (SEZ).

Giai đoạn 1984 - 1991, Trung Quốc đưa ra nhiều luật lệ, văn bản có liên quan đến FDI như, Luật liên doanh, sửa đổi luật liên doanh, luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các khuyến khích FDI. Cũng trong giai đoạn này, 14 thành phố

ven biển được mở cửa.

Giai đoạn 1992 - 2000, các luật như luật công đoàn, luật sở hữu, luật công ty, và các quy định về thuế GTGT, thu nhập doanh nghiệp được ban hành.

Kể từ năm 2006, Trung Quốc tăng cường điều chỉnh chính sách thu hút FDI theo hướng nâng cao chất lượng.

Các bổ sung và điều chỉnh luật và quy định trên góp phần quan trọng trong việc tăng cường thu hút FDI và giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội của đất nước. Từ đó, làm giảm những tiêu cực trong chuyển giá ở các doanh nghiệp FDI, giảm những mâu thuẫn tranh chấp giữa chủ đầu tư và người lao động...

Malaysia cũng vậy, họ luôn coi trọng bổ sung và hoàn thiện luật pháp, chính sách kịp thời. Trong đó, đặc biệt chú trọng tới các văn bản pháp luật về chuyển giá, về môi trường; chính sách phát triển và hoàn thiện cơ sở hạ tầng ở những vùng, miền khó khăn, chính sách phát triển nguồn nhân lực cung cấp cho các doanh nghiệp FDI...

Chiến lược công nghiệp hóa hiện nay của Malaysia được điều chỉnh theo hướng phát triển bền vững. Malaysia thực hiện nhiều chính sách quan trọng như xây dựng nhà ở giá thấp cho người thu nhập thấp (2 năm 1998 - 1999 xây được 27.500 căn hộ giá thấp). Trong kế hoạch 5 năm (2006 - 2010), Malaysia dự chi 54 tỷ USD cho các dự án phát triển kinh tế nông thôn, phát triển giáo dục, giảm bớt khoảng cách giàu nghèo.

** Nỗ lực cao trong cải thiện môi trường đầu tư, chú trọng sàng lọc dự án*

FDI TTBD ĐBDC

Trung Quốc rất chú trọng cải thiện cơ sở hạ tầng. Đặc biệt, Trung Quốc xây dựng nhiều đặc khu kinh tế với hệ thống hạ tầng đồng bộ, hoàn chỉnh và hiện đại để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Mục tiêu xây dựng các đặc khu kinh tế là để thu hút công nghệ tiên tiến của nước ngoài, nâng cao trình độ kỹ thuật, thúc đẩy xuất khẩu và mở rộng quan hệ với nước ngoài, phát triển kinh tế trong nước. Điều này, Việt Nam có thể học tập kinh nghiệm cho việc xây dựng các khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

Bên cạnh đó, chính sách ưu đãi đầu tư cũng được Trung Quốc triển khai mạnh mẽ. Trong đó, ưu đãi về thuế là nhân tố quan trọng nhất trong giai đoạn 1980 - 1993, bao gồm miễn, giảm thuế. Từ năm 1994, chính phủ Trung Quốc sử

dụng hệ thống thuế như nhau đối với doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài. Để khuyến khích FDI, Trung Quốc đưa ra chương trình hoàn thuế 5 năm và miễn thuế mở rộng. Các doanh nghiệp công nghệ cao hoặc hướng xuất khẩu, nhà đầu tư nước ngoài có thể nhận được toàn bộ hoàn thuế.

Với các chính sách đầu tư thông thoáng, linh hoạt cùng nguồn lao động rẻ, có chất lượng, các đặc khu kinh tế của Trung Quốc đã thu hút được số lượng lớn các nhà đầu tư nước ngoài. Hệ quả tất yếu là thu hút FDI tăng, trang thiết bị được nâng cấp, mức sống người dân ở các đặc khu kinh tế được nâng cao, tạo sự lan tỏa tích cực trong nền kinh tế.

Trong giai đoạn đầu thu hút FDI, Trung Quốc cũng thu hút FDI nghiêng về số lượng. Tuy nhiên, từ năm 2006 trở lại đây, Trung Quốc đã tiến tới cải thiện chất lượng vốn FDI. Không thu hút FDI bằng mọi giá, mà có sự sàng lọc các dự án, kiên quyết loại bỏ các dự án FDI được cho là kém chất lượng, không phù hợp với thời kỳ phát triển mới của đất nước.

Đối với Malaysia, để tạo môi trường đầu tư thuận lợi, nước này luôn chủ động hội nhập KTQT, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực, thực hiện các ưu đãi tài chính...

Về cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, Malaysia tập trung đầu tư mạnh để có hệ thống hạ tầng tốt, dịch vụ thuận lợi, chi phí thấp hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài. Để thực hiện, Malaysia chủ trương tư nhân hóa kể cả nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Nhằm thu hút FDI có tính tập trung hơn, khắc phục được một số hạn chế nhất định, Malaysia xây dựng các khu thương mại tự do, KCN, khu công nghệ cao. Trong đó, gần đây Malaysia đặc biệt chú trọng đến phát triển các khu công nghệ cao để thu hút các dự án sử dụng công nghệ hiện đại. Các dự án đầu tư vào khu công nghệ cao được hưởng nhiều ưu đãi, được cung cấp dịch vụ trọn gói đáp ứng yêu cầu các ngành công nghiệp hiện đại.

Một trong những yếu tố quyết định sự thành công trong thu hút FDI tại Malaysia là lựa chọn đúng các đối tác và dự án đầu tư. Mặc dù, Malaysia chủ trương đa dạng hóa đối tác đầu tư, song lại luôn chú trọng tới thu hút các đối tác lớn, trên cơ sở có định hướng rõ ràng, có mục tiêu yêu cầu về công nghệ cho từng ngành, lĩnh vực kinh tế.

** Chiến lược thu hút FDI hợp lý*

Trong giai đoạn đầu thu hút FDI, cả Trung Quốc và Malaysia đều thu hút mạnh mẽ vốn FDI vào các ngành công nghệ cao, công nghệ ít tiêu tốn năng lượng, nhiên liệu, nhất là các ngành điện, điện tử, từ đó tạo ra sự lan tỏa mạnh. Sau đó, hấp thụ công nghệ để đẩy mạnh hoạt động R & A, đồng thời đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ được coi là yếu tố then chốt cho liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI của các nước này.

3.2. Bài học chưa thành công

** Chính sách thu hút FDI và xử lý các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh chưa mang tính tổng thể*

Mặc dù, Trung Quốc và Malaysia đã có nhiều chính sách khá hợp lý trong việc thu hút FDI và xử lý những vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trong FDI. Song, các chính sách, biện pháp này chưa thực sự mang tính tổng thể, vẫn chú trọng nhiều về mặt lượng và hệ lụy là sự mất cân đối giữa các vùng, miền trong phát triển kinh tế vẫn nổi lên (ví dụ như miền Đông và miền Tây ở Trung Quốc; hay vùng Salangor, Johor và vùng Kalantan, Perlis ở Malaysia), ô nhiễm môi trường vẫn là gánh nặng, chưa giải quyết được... Nguyên nhân là do hoạt động đầu tư nước ngoài có tác động lan tỏa tới nhiều lĩnh vực và nhiều tầng lớp dân cư trong xã hội. Nhiều khi, các hạn chế này vượt ra khỏi dự đoán của nhà hoạch định chính sách và quản lý. Do đó, đòi hỏi khả năng điều chỉnh chính sách của các nhà hoạch định chính sách phải thực sự khách quan và thích hợp.

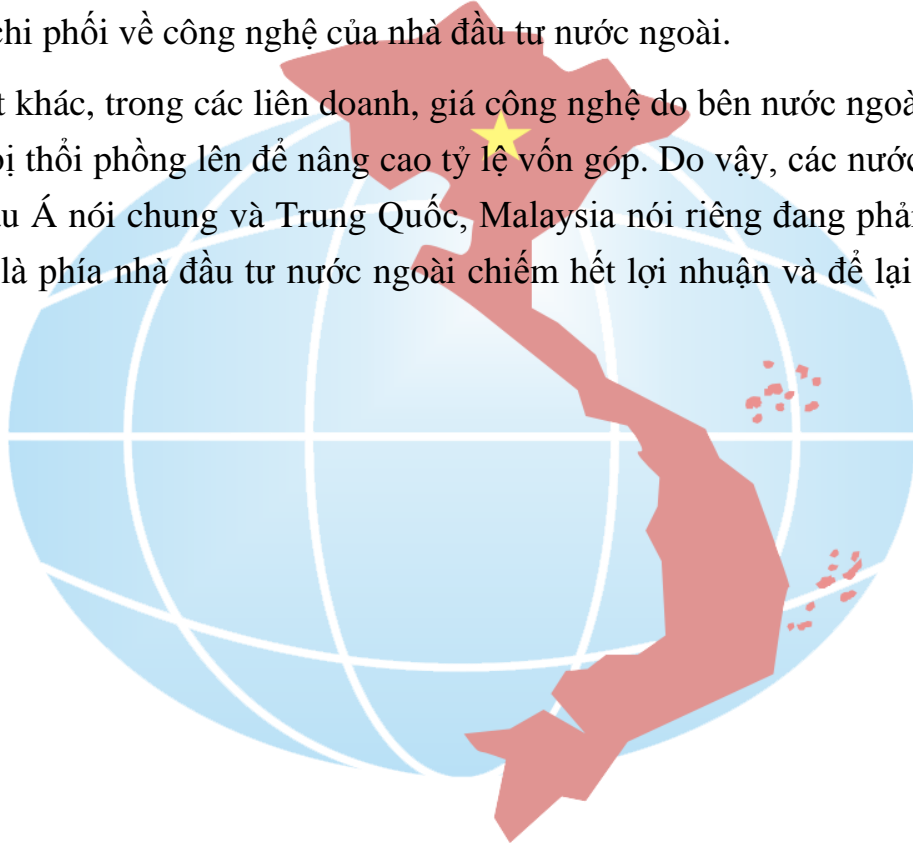
** Chính sách chuyển giao công nghệ, chính sách giải quyết tác động môi trường còn nhiều hạn chế*

Nhìn chung, chuyển giao công nghệ của cả Malaysia và Trung Quốc đều chưa đạt mục tiêu đề ra. Mục đích của các nhà đầu tư nước ngoài là tìm nơi đầu tư có hiệu quả cao hơn so với trong nước. Do vậy, không ít nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công nghệ cũ, lạc hậu, thậm chí cả những công nghệ không đồng bộ sang các nước này nhằm nâng cao tỷ suất lợi nhuận. Việc tiếp nhận công nghệ cũ, lạc hậu gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng không nhỏ đến xã hội. Đến nay, Trung Quốc, Malaysia và nhiều nước đang phát triển

khác đang phải giải quyết hậu quả của việc nhập ồ ạt, thiếu chọn lọc công nghệ dẫn đến tăng trưởng nóng và không bền vững.

Việc thực hiện FDI tại các nước đang phát triển nói chung và Trung Quốc, Malaysia nói riêng thường do các công ty con của các TNC tiến hành, nên bí quyết công nghệ và thông tin kỹ thuật vẫn do công ty mẹ nắm giữ. Các nước này khó hấp thụ và ứng dụng các công nghệ đó. Người lao động chỉ được thuê để thao tác vận hành, không nắm bắt được kỹ thuật công nghệ. Do đó, vẫn phải chịu sự chi phối về công nghệ của nhà đầu tư nước ngoài.

Mặt khác, trong các liên doanh, giá công nghệ do bên nước ngoài đóng góp thường bị thổi phồng lên để nâng cao tỷ lệ vốn góp. Do vậy, các nước đang phát triển châu Á nói chung và Trung Quốc, Malaysia nói riêng đang phải gánh chịu hậu quả là phía nhà đầu tư nước ngoài chiếm hết lợi nhuận và để lại công nghệ lạc hậu.



TTBD ĐBDC

